

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~27~~ /2008/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày ~~30~~ tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số định mức dự toán duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước chưa có trong Quyết định số 33/2007/QĐ-UBND ngày 21/3/2007 của UBND thành phố Hà Nội; giá ca máy đặc chủng chuyên ngành thoát nước cho công tác duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/1/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu chung;

Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 07/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ-UBND ngày 21/3/2007 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành định mức dự toán duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước Thành phố Hà Nội;

Căn cứ công văn số 1002/BXD-VKT ngày 05/6/1999 của Bộ Xây dựng về việc thỏa thuận ban hành tạm thời định mức dự toán nạo vét bằng cơ giới hệ thống thoát nước Hà Nội;

Căn cứ công văn số 732/BXD-VKT ngày 08/5/2001 của Bộ Xây dựng về việc bổ sung định mức cho một số loại công tác thoát nước đô thị thành phố Hà Nội;

Căn cứ công văn số 2375/BXD-KTTC ngày 18/11/2005 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận tạm thời công tác vận hành trạm xử lý nước thải thị trấn Kim Liên - Trúc Bạch thuộc dự án thoát nước cải thiện môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ công văn số 34/BXD-KTTC ngày 08/01/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn bổ sung chi phí công cụ, dụng cụ và điều chỉnh định mức công tác vận chuyển phế thải thoát nước;

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định một số điều quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ;

Căn cứ Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình công bố kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của UBND Thành phố;

Theo đề nghị của Liên Sở: Giao thông công chính - Xây dựng - Tài chính tại Tờ trình số 371/TTr-LN : GTCC-XD-TC ngày 14 tháng 05 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là một số định mức dự toán điều chỉnh, bổ sung trong công tác duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước chưa có trong Quyết định số 33/2007/QĐ-UBND ngày 21/3/2007 của UBND thành phố Hà Nội; bổ sung giá ca máy đặc chủng chuyên ngành thoát nước cho công tác duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Định mức dự toán duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước được áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội và là cơ sở để xác định đơn giá duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước đô thị thành phố Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2007 để làm cơ sở lập đơn giá dự toán và thanh, quyết toán khối lượng thực hiện năm 2007.

Trong quá trình triển khai thực hiện, hàng năm, Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, kiểm tra định mức dự toán duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hà Nội để báo cáo UBND Thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Chủ tịch UBND các Quận huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

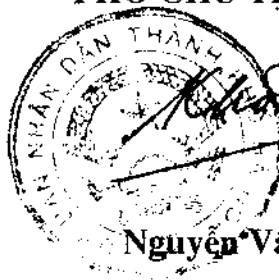
Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐNDTP; (để
- Đ/c Chủ tịch UBNDTP; (b/c
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các Bộ: XD, TC;
- Như Điều 4;
- V6, KT, XD (6bộ), TH;
- Lưu VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

PHẦN I

THUYẾT MINH VÀ CÁC QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

1. Nội dung định mức:

Định mức dự toán công tác nạo vét bằng dây chuyên cơ giới, vận chuyển phế thải thoát nước, quản lý cụm công trình trạm bơm đầu mối Yên sở và xử lý nước thải tại hai trạm xử lý nước thải thí điểm Kim Liên, Trúc Bạch qui định mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác. Trong đó:

a) *Mức hao phí vật liệu:*

Là số lượng vật liệu chính, vật liệu phụ các cấu kiện hoặc các bộ phận rời lẻ, vật liệu luân chuyển cần cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc. Mức hao phí vật liệu qui định trong tập định mức này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

b) *Mức hao phí nhân công:*

Là số ngày công lao động của công nhân cần thiết của công nhân trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc để hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc.

Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, lao động phụ để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác lắp đặt từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

Cấp bậc công nhân qui định trong tập định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác.

c) *Mức hao phí xe máy thi công:*

Là số lượng ca xe máy và thiết bị thi công chính trực tiếp thực hiện kể cả máy và thiết bị phụ để hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc.

2. Các căn cứ xác lập định mức:

- Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05/10/2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị.

- Quy trình kỹ thuật duy trì và sửa chữa hệ thống thoát nước đô thị đang thực hiện ở Thành phố Hà Nội hiện nay.

- Kết quả theo dõi, tổng kết việc áp dụng Định mức dự toán duy trì hệ thống thoát nước đô thị ban hành theo Quyết định số 37/2005/QĐ-BXD ngày 02/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, theo công văn 732-VKT ngày 8 tháng 5 năm 2001,

Quyết định số 1485/ QĐ- BXD ngày 24 tháng 11 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng.

- Số liệu tổng kết tình hình sử dụng lao động, trang thiết bị xe máy cũng như kết quả ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn công tác duy trì hệ thống thoát nước đô thị của Thành phố Hà Nội trong thời gian qua.

3. Kết cấu của tập định mức:

Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác, được mã hoá thống nhất và là phần bổ sung của tập định mức công tác duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước Đô thị đã được UBND Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo quyết định số 33/2007/QĐ-UB ngày 21-3-2007 (trong tập định mức đã ban hành có 5 chương từ chương I đến chương V). Mỗi định mức được trình bày gồm: Thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó. Định mức dự toán duy trì bổ sung này bao gồm 4 chương (từ chương VI đến chương XI) :

Chương VI : Nạo vét bằng dây chuyên thiết bị cơ giới;

Chương VII : Vận chuyển phế thải thoát nước bằng xe cơ giới

Chương VIII: Công tác quản lý vận hành cụm công trình đầu mối Yên sở

Chương IX: Công tác quản lý vận hành trạm xử lý nước thải thí điểm Kim Liên – Trúc Bạch.

4. Qui định áp dụng:

- Định mức dự toán công tác nạo vét bằng dây chuyên cơ giới, vận chuyển phế thải thoát nước, quản lý cụm công trình trạm bơm đầu mối Yên sở và xử lý nước thải tại hai trạm xử lý nước thải thí điểm Kim Liên, Trúc Bạch do UBND Thành phố Hà Nội ban hành hướng dẫn áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Hao phí của vật liệu, công cụ lao động (biển báo công trường, cọc tiêu an toàn giao thông, đèn pha ...) sử dụng trực tiếp cho quá trình thực hiện công việc được quy định trong chi phí chung cấu thành dự toán dịch vụ công ích theo hướng dẫn của Bộ xây dựng tại Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị.

PHẦN II

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN

CHƯƠNG VI

ẠO VẾT BẰNG DÂY CHUYÊN THIẾT BỊ CƠ GIỚI

TN6.01.00 Nạo vét bùn cống bằng dây chuyên cơ giới

TN6.01.10 Nạo vét cống ngầm bằng xe phun nước phản lực kết hợp với các thiết bị khác (S1)

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe và các thiết bị di chuyển xe máy từ nơi tập kết đến địa điểm thi công
- Đưa xe máy thiết bị vào vị trí thi công; Đặt biển báo hiệu, cọc phân cách ranh giới khu vực thi công.
- Mở nắp hố ga trong đoạn cống cần làm.
- Bơm nước từ xe téc chở nước vào xe phun nước phản lực và bình chứa của xe hút chân không.
- Lắp ống cho xe hút, lắp vòi phun.
- Hút bùn tại hố ga; lắp đặt bộ gá để định hướng đầu phun nước.
- Tiến hành phun nước để dồn bùn ra hố ga; hút bùn tại hố ga; tiếp tục các thao tác phun nước, dồn bùn ra hố ga, hút bùn cho đến khi đầy téc chở bùn sau khi đã tách nước trên xe téc chở bùn.
- Thay thế xe téc chở bùn thứ 2 và lặp lại thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.
- Kiểm tra kết quả nạo vét; nghiệm thu sơ bộ khối lượng hoàn thành
- Tháo gỡ vòi, đường ống, bộ gá lắp và thu dọn dụng cụ
- Vệ sinh hiện trường và đóng các nắp hố ga
- Di chuyển xe máy thiết bị về địa điểm tập kết
- Rửa xe và tập kết vào vị trí đỗ

+ Điều kiện áp dụng

- Dây chuyền nạo vét được áp dụng cho các cống hẹp mà công nhân không thể chui vào thi công được. Cụ thể:
- + Cống tròn có đường kính từ 0,3 đến 0,8 m
- + Cống bản, cống hộp có chiều rộng đáy từ 0,3 đến 0,8 m
- + Các cống khác có kích thước tương đương.
- Lượng bùn trong cống $\geq 1/4$ tiết diện cống

Đơn vị tính : 100 m

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN6.01.10	Nạo vét cống ngầm bằng xe phun nước phản lực kết hợp với các thiết bị khác (dây chuyền S1)	Vật liệu		
		- Nước sạch	m ³	43,8
		- Vật liệu khác (tính trên vật liệu chính)	%	5
		Nhân công		
		- Công nhân bậc thợ bình quân: 4,5/7	công	12,15
		Máy thi công:		
		- Xe phun nước phản lực	ca	1,35
		- Xe hút chân không 4T	ca	1,35
		- Xe təc chở bùn 4T	ca	3,48
		- Xe təc chở nước 4m ³	ca	2,7
		- Máy khác (tính trên máy chính)	%	1

TN6.01.20: Nạo vét cống ngầm bằng xe hút chân không có độ chân không cao(8Tấn) kết hợp với các thiết bị khác (dây chuyên S2)

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị và di chuyển xe máy thiết bị từ nơi tập kết đến địa điểm thi công.
- Đưa xe máy thiết bị vào vị trí thi công: Đặt biển báo hiệu, cọc phân cách ranh giới khu vực thi công.
- Mở nắp hố ga; đo nồng độ khí; lắp đặt các vòi hút, ống hút; chuẩn bị vòi bơm, máy bơm.
- Hút bùn tại hố ga.
- Chặn hai đầu đoạn cống cần thi công tại 2 hố ga bằng các túi đựng cát.
- Bơm nước cho đến khi công nhân có thể thi công được trong lòng cống.
- Hút bùn trong cống cho đến khi đầu xe təc chở bùn sau khi đã tách nước.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ qui định
- Thay thế xe təc chở bùn và lặp lại các thao tác như trên.
- Kiểm tra kết quả nạo vét, nghiệm thu sơ bộ kết quả đã hoàn thành.
- Tháo gỡ vòi, đường ống và thu dọn, vệ sinh dụng cụ lao động.
- Vệ sinh hiện trường và đóng nắp các hố ga.
- Di chuyển xe máy thiết bị về điểm tập kết.
- Rửa xe và tập kết vào vị trí đỗ.

+ Điều kiện áp dụng:

- Dây chuyên nạo vét này được áp dụng cho các loại cống có kích thước như sau:

+ Cống tròn có đường kính $0,8\text{ m} < \Phi \leq 1,2\text{ m}$

+ Cống hộp, bản có chiều rộng đáy $0,8\text{ m} < B \leq 1,2\text{ m}$

+ Các loại cống khác có kích thước tương đương.

Các cống trên có mực nước cho phép người công nhân có thể chui vào cống để thi công được.

- Lượng bùn trong cống $\geq 1/4$ tiết diện cống

Đơn vị tính : 100 m

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN6.01.20	Nạo vét cống ngâm bằng xe hút chân không có độ chân không cao (8 tấn) kết hợp với các thiết bị khác (dây chuyền S2)	Vật liệu		
		- Nước sạch	m ³	6
		- Bao tải cát (cát 0,04m ³ /bao)	bao	80
		- Vật liệu khác (tính trên vật liệu chính)	%	5
		Nhân công		
		- Công nhân bậc thợ bình quân: 4,5/7	công	20,02
		Máy thi công:		
		- Xe hút chân không 8T	ca	2,86
		- Xe téc chở bùn 4Tấn	ca	7,28
		- Xe téc nước 4 m ³	ca	0,5
		- Xe tải cầu 4Tấn	ca	1,43
		- Máy phát điện 30KVA	ca	2,86
		- Bơm chìm 30KVA	ca	2,49
		- Máy khác (tính trên máy chính)	%	1,5

**TN6.01.30 Nạo vét cống ngầm bằng máy tời kết hợp với các thiết bị khác
(dây chuyên S3)**

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị và di chuyển xe máy thiết bị từ nơi tập kết đến địa điểm thi công.
- Đưa xe máy thiết bị vào vị trí thi công: Đặt biển báo hiệu, cọc phân cách ranh giới khu vực thi công.
- Mở nắp hố ga; đo nồng độ khí; lắp đặt các vòi hút, ống hút
- Hút bùn tại hố ga.
- Luồn dây cáp và các hoặc gầu mức từ hố ga này đến hố ga kế tiếp.
- Vận hành tời chính và tời phụ dồn bùn từ trong cống về hố ga công tác bằng đĩa di chuyển trong lòng cống. Hút bùn tại hố ga thi công cho đến khi dây xe təc chở bùn sau khi đã tách nước.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ qui định.
- Thay thế xe təc chở bùn thứ 2 và lặp lại các thao tác như trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.
- Kiểm tra kết quả nạo vét, nghiệm thu sơ bộ kết quả đã hoàn thành.
- Tháo gỡ vòi, đường ống, các phụ kiện của máy tời, máy tời và thu dọn, vệ sinh dụng cụ lao động.
- Vệ sinh hiện trường và đóng nắp các hố ga.
- Di chuyển xe máy thiết bị về điểm tập kết.
- Rửa xe và tập kết vào vị trí đỗ.

+ Điều kiện áp dụng:

- Dây chuyên nạo vét này được áp dụng cho các loại cống có kích thước như sau:

- + Cống tròn có đường kính $\Phi > 1,2\text{m}$
- + Cống hộp, bản có chiều rộng đáy $B > 1,2\text{ m}$
- + Các loại cống khác có kích thước tương đương.
- Lượng bùn trong cống $\geq 1/4$ tiết diện cống

Đơn vị tính : 100 m

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN6.01.30	Nạo vét cống ngâm bằng máy tời kết hợp với các thiết bị khác (dây chuyên S3)	Vật liệu		
		- Nước sạch	m ³	12
		- Mỡ bôi trơn cáp tời	kg	5
		- Dây thép buộc	kg	0,08
		- Vật liệu khác (tính trên VL chính)	%	5
		Nhân công		
		- Công nhân bậc thợ bình quân: 4,5/7	công	30,75
		Máy thi công:		
		- Máy tời 3,7 kw	ca	6,15
		- Xe hút chân không 4T	ca	6,15
		- Xe təc chở bùn 4T	ca	12,3
		- Xe təc chở nước 4m ³	ca	1
		- Xe tải có cần cẩu 3T	ca	3,57
		- Máy khác (tính trên máy chính)	%	1,5

TN6.02.00 Nạo vét bùn mương, sông bằng dây chuyên cơ giới

TN6.02.10 Công tác nạo vét mương, sông thoát nước bằng máy xúc đặt trên xà lan kết hợp với lao động thủ công và các thiết bị khác (dây chuyên C2)

+ *Thành phần công việc:*

- Nhận địa điểm thi công, xác định đại điểm tập kết và các tài liệu khác có liên quan.
- Công nhân đóng cọc tre sơn 2 màu đỏ, trắng tại vị trí ranh giới giữa khu vực máy xúc làm việc và công nhân nạo vét bằng thủ công để đảm bảo an toàn cho kè đá. Sau khi đóng cọc chằng dây thừng làm đường ranh giới.
- Chuẩn bị và xử lý mặt bằng để đưa thiết bị vào thi công: Khi đi giao nhận tuyến đồng thời sử dụng thuyền kiểm tra trên toàn tuyến có cọc, vật nổi ... nếu có thì dùng cọc tre đánh dấu để tránh làm hư hỏng xà lan khi di chuyển trên mặt nước.
- Bố trí xe chuyên dụng vận chuyển xà lan và máy xúc đến địa điểm thi công (đặt ở vị trí dễ cầu xuống sông, mương dễ dàng)
- Cầu 4 phao con xuống nước và lắp đặt thành xà lan trên sông, mương
- Cầu máy xúc đặt trên xà lan theo sự chỉ dẫn và giám sát của cán bộ kỹ thuật
- Neo, chằng xà lan ổn định
- Gá kẹp máy xúc chắc chắn trên xà lan.

Lưu ý: Bố trí người bảo vệ các thiết bị trên ngoài giờ làm việc

- Nhận điều động thiết bị, nhân lực
- Kiểm tra thiết bị, phương tiện dụng cụ và nhận đầy đủ nhiên liệu
- Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện cầm tay như cuốc, xẻng, xô bùn...
- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ an toàn giao thông và bảo hộ lao động.

Tập kết thiết bị và tiến hành thi công:

- Máy xúc đặt trên xà lan, sau khi công nhân điều khiển đã kiểm tra bảo đảm chắc chắn, an toàn bắt đầu thao tác xúc bùn và đổ vào thuyền chở bùn Lưu ý:
 - Khi xúc bùn dưới mương sông lên khỏi mặt nước mà trong gầu còn nhiều nước phải gạn nước trước khi đổ vào thuyền chứa bùn
 - Máy xúc có thể lắp được gầu xúc hoặc gầu ngoạm
 - Khi thuyền chở bùn đầy, công nhân lái thuyền đưa thuyền vào vị trí tập kết đã bố trí sẵn cho xe hút hút bùn được thuận tiện nhất.
- Xe hút hút bùn vào xe téc và lên chính nó vào cuối ca làm việc.
- Khi hút bùn đảm bảo các thao tác chất, ép nước để các xe khi đổ bùn là bùn đặc.
- Các vật rắn, đất đá, rác rưởi có trong thuyền chở bùn, hoặc dưới lòng mương, sông được công nhân xúc vào xô chuyển lên thùng chứa bùn của xe tải tự đổ, khi thùng chứa bùn đầy được đưa lên xe và đổ tại bãi đổ qui định

- Các thuyền chứa bùn thay nhau nhận bùn và về vị trí hút bùn liên tục trong ca làm việc.
- Các xe téc còn lại đỗ ở vị trí thuận tiện và nhanh chóng vào vị trí để xe hút hút bùn vào téc ngay khi xe trước đó đã đầy bùn.
- Trong quá trình làm việc xà lan được di chuyển trong mặt bằng thi công bằng các tời lắp đặt tại 4 góc.
- Khi máy xúc di chuyển đến hết phạm vi làm việc theo chiều ngang thì dừng lại để công nhân thủ công dồn bùn từ mái kè vào phạm vi hoạt động của máy.
- Với những điểm không dồn được bùn thì khi xà lan di chuyển đến cọc tiêu tiếp theo sẽ tiến hành nạo vét bằng thủ công và bốc xúc lên thùng chứa bùn.
- Hết ca làm việc vệ sinh sạch sẽ máy móc, thiết bị, mặt bằng thi công và công nhân bảo vệ.
- Nạo vét bùn đến hết phạm vi công tác yêu cầu.
- Tiến hành tháo dỡ hệ thống và vận chuyển về địa điểm tập kết.
- Quy trình tháo dỡ làm đầy đủ các bước như lắp đặt nhưng theo thứ tự ngược lại.

Đơn vị tính : m^3

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN6.02.10	Nạo vét mương sông thoát nước bằng máy xúc đặt trên xà lan kết hợp lao động thủ công và các thiết bị khác	Vật liệu:		
		- Nước sạch	m^3	0,1
		- Dây cáp neo	% m	1
		- Vật liệu khác	%	5
		Nhân công		
		- Công nhân bậc thợ 4/7	công	0,3
		- Công nhân bảo vệ thiết bị: 3,5/7	công	0,03
		Máy thi công:		
		- Máy xúc dung tích gầu $0,4m^3$	ca	0,023
		- Hệ phao nổi + thuyền	ca	0,069
		- Xe hút 4T	ca	0,023
		- Xe téc chở bùn 4T	ca	0,1
		- Xe téc chở nước $4m^3$	ca	0,01
		- Xe chở bùn tự đổ 4 Tấn	ca	0,081
		- Máy cẩu sức nâng 25 T bánh hơi	ca	0,0008
		- Máy khác (tính trên máy chính)	%	1

TN6.02.20 : Nạo vét mương thoát nước bằng xe hút chân không kết hợp với các thiết bị khác (dây chuyền C3).

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị và di chuyển xe máy thiết bị từ nơi tập kết đến địa điểm thi công.
- Đưa xe máy thiết bị vào vị trí thi công: Đặt biển báo hiệu
- Tính toán khối lượng bùn có trong mương cần thi công.
- Vận hành xe hút chân không cho đến khi đầy xe təc chở bùn sau khi đã tách nước.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ qui định.
- Thay thế xe təc chở bùn khác và lặp lại các thao tác như trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn mương cần thi công.
- Kiểm tra kết quả nạo vét, nghiệm thu sơ bộ kết quả đã hoàn thành.
- Thu dọn, vệ sinh thiết bị và dụng cụ lao động.
- Vệ sinh hiện trường thi công.
- Di chuyển xe máy thiết bị về điểm tập kết.
- Rửa xe và tập kết vào vị trí đỗ.

+ Điều kiện áp dụng:

Dây chuyền nạo vét này được áp dụng chủ yếu cho các mương có chiều rộng không lớn hơn 5 m (B<5m).

Đơn vị tính : m ³				
Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN6.02.20	Nạo vét mương thoát nước bằng xe hút chân không 8T kết hợp với các thiết bị khác (dây chuyền C3)	Vật liệu		
		- Nước sạch	m ³	0,5
		- Túi đựng cát (0,04m ³ /bao)	bao	0,4
		- Cọc tre	cọc	2m x 2,5%
		- Vật liệu khác (tính trên VL chính)	%	5
		Nhân công		
		- Công nhân bậc thợ bình quân : 4,5/7	công	0,401
		Máy thi công:		
		- Xe hút chân không 4T	ca	0,085
		- Xe təc chở bùn 4T	ca	0,23
		- Xe tải cầu 4 T	ca	0,05
		- Xe təc chở nước 4m ³	ca	0,05

CHƯƠNG VII

VẬN CHUYỂN PHẾ THẢI THOÁT NƯỚC BẰNG CƠ GIỚI

TN 7.01.10: Công tác thu gom, vận chuyển phế thải thoát nước tại các chân điểm tập kết bằng xe chuyên dụng 4,5 tấn có thùng bùn kín khít, nâng hạ thùng bùn bằng thủy lực.

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải thoát nước
- Hạ thùng chứa bùn trên xe xuống điểm xe gom tập kết tạm
- Xúc, đổ phế thải thoát nước từ xe gom vào thùng bùn
- Nâng thùng bùn lên xe
- Thu gom, quét dọn đất rác rơi vãi.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc đầy thùng.
- Điều khiển xe về bãi đổ
- Cân và đổ phế thải tại bãi đổ
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Đơn vị tính: 1 tấn

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN7.01.10	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải thoát nước tại các chân điểm tập kết bằng xe chuyên dụng 4,5 tấn có thùng bùn kín khít, nâng hạ thùng bùn bằng thủy lực	Nhân công:	công	0,5
		- Cấp bậc thợ bình quân 4/7 Máy thi công: - Xe ô tô chuyên dụng 4,5 tấn	ca	0,107

Ghi chú:

Định mức quy định tại bảng trên tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 12km <L≤ 18km. Trường hợp cự ly vận chuyển thay đổi thì định mức hao phí máy thi công được điều chỉnh với hệ số như sau:

Cự ly	Hệ số
L<8km	0.895
8km=<L<10km	0.925
10km=<L≤12km	0.955
18km<L≤20km	1.045
L>20km	1.075

CHƯƠNG VIII

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CỤM CÔNG TRÌNH TRẠM BƠM ĐẦU MỐI YÊN SỞ

(bao gồm trạm bơm Yên sở $45\text{m}^3/\text{s}$, bảy cửa điều tiết : Thanh Liệt, Nghĩa Đô, Hồ Tây A, Hồ Tây B, Văn Điển, Đồng Chì, Lừ-Sét và 3 đập cao su A, B,C tại hồ điều Hòa Yên Sở)

TN8.01.10: Quản lý, vận hành cụm công trình trạm bơm đầu mối Yên sở (bao gồm trạm bơm yên sở, 7 đập điều tiết: nghĩa đô, hồ tây a, B, đồng chì, văn điển, thanh liệt, lừ-sét; 3 đập cao su A,B,C tại khu vực hồ điều hòa Yên sở)

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn điều kiện làm việc.
- Kiểm tra toàn bộ máy móc thiết bị ngoài thực tế và trên máy tính tại trạm bơm yên sở và các thiết bị nâng hạ và máy đo mực nước.
- Kiểm tra các thiết bị phụ trợ: Hệ thống cào rác, băng tải cửa xả ra sông.
- Theo dõi diễn biến chế độ thủy lực mực nước sông, lập biểu báo, chỉnh biên tài liệu, điện báo số liệu.
- Vận hành bơm khi có lệnh và theo qui trình công nghệ.
- Khắc phục, sửa chữa khi gặp sự cố
- Bảo dưỡng hàng ngày các thiết bị máy móc và vớt bèo tại cửa đập và vận chuyển đến địa điểm qui định.
- Vận hành các cửa đập, cửa điều tiết theo qui trình công nghệ
- Vệ sinh duy trì rãnh nước xung quanh trạm bơm. Duy trì thảm cỏ tại trạm
- Vớt bèo rác trong hầm hút
- Sửa chữa nhỏ các bộ phận, thiết bị máy bơm, cửa phai, cạo gỉ, sơn bảo vệ theo định kỳ.

Đơn vị tính: ca

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Mùa khô	Mùa mưa
TN8.01.10	Quản lý, vận hành cụm công trình trạm bơm đầu mối Yên sở (bao gồm trạm bơm yên sở, 7 đập điều tiết: Nghĩa đô, Hồ tây A, B, Đồng chí, Văn điển, Thanh liệt, Lừ-Sét; 3 đập cao su A,B,C tại khu vực hồ điều hòa Yên sở)	Vật liệu:			
		- Nước cát :	lít	0,18	0,18
		- Dầu Shell (esso):	lít	1,5	1,5
		- Mỡ:	kg	0,25	0,25
		- Nước sạch:	m ³	0,96	0,96
		- Giấy đo:	cuộn	0,018	0,018
		Nhân công:			
		- Công nhân kỹ thuật bậc 5/7:	công	23,68	29,53
		- Công nhân khác bậc 4/7:	công	5,37	5,37
		- Công nhân phục vụ bậc 3,5/7:	công	14,29	14,29
		Máy thi công			
		- Xe tự đổ 4T:	ca	0,17	0,17

Ghi chú:

- Định mức trên không bao gồm: Hao phí điện năng; bảo dưỡng sửa chữa lớn, duy trì kênh dẫn . Đối với hao phí điện năng thanh toán theo thực tế.

CHƯƠNG IX

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH 2 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI KIM LIÊN- TRÚC BẠCH

TN9.01.00 Công tác xử lý nước thải- tính theo ca vận hành

TN9.01.10- Công tác quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải trúc bạch 2.300 m³/ngày đêm

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị điều kiện làm việc
- Kiểm tra toàn bộ các máy móc thiết bị ngoài thực tế tại các khu vực xử lý của nhà máy: Hồ tiếp nhận nước đầu vào, bể lắng cát, bể lắng sơ cấp, bể phản ứng sinh học, bể lắng cuối, bể khử trùng, thiết bị xử lý bùn, xử lý mùi... theo dõi lưu lượng và các thông số thiết bị, lập biểu báo cáo, chỉnh biên tài liệu, điện báo số liệu.
- Kiểm tra các thiết bị phụ trợ: Song chắn rác, hệ thống khử trùng, hệ thống hút mùi, hệ thống tách nước.
- Lấy mẫu, phân tích chất lượng nước nước đầu vào, ra.
- Vận hành trạm xử lý nước thải.
- Bảo dưỡng hàng ngày các thiết bị máy móc, vớt rác + phế thải tại hố bơm truyền tải nước thải, cào rác tại các song chắn rác đến địa điểm qui định.
- Khắc phục sửa chữa khi gặp sự cố.

Đơn vị: ca

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN9.01.10	Quản lý, vận hành trạm XLNT Trúc Bạch công suất thiết kế 2.300m ³ /ngđ	Vật Liệu		
		- Dầu Shell Turbo T46	lít	0,1
		- Mỡ Alvania EP2	kg	0,05
		- Giấy ghi DO và lưu lượng	cuộn	0,022
		- NaClO (nồng độ 7%)	lít	120
		- PAC (chất keo tụ)	kg	38,3
		- Than hoạt tính (AG100S, AG100A, Ag100N)	kg	2,35
		- Polymer (CS303)	kg	2
		- Hoá chất phân tích mẫu (07 chỉ tiêu: SS, BOD5, COD, T-N, T-P, Clodur, Coliform)	mẫu	0,095
		Nhân công		
		- Công nhân kỹ thuật vận hành bậc 5/7	công	6,63
		- Công nhân vận hành bậc 4/7	công	4,68
		- Công nhân bảo vệ nhà máy bậc 3,5/7	công	1,95
		Máy thi công		
		- Xe tự đổ 4 tấn	ca	0,153

TN9.01.20- Công tác quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải Kim Liên 3.700 m³/ngày đêm

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị điều kiện làm việc
- Kiểm tra toàn bộ các máy móc thiết bị ngoài thực tế tại các khu vực xử lý của nhà máy: Trạm bơm nước thải đầu vào, bể lắng cát, bể lắng sơ cấp, bể phản ứng sinh học, bể lắng cuối, bể khử trùng, thiết bị xử lý bùn, xử lý mùi... theo dõi lưu lượng và các thông số thiết bị, lập biểu báo cáo, chỉnh biên tài liệu, điện báo số liệu.
- Kiểm tra các thiết bị phụ trợ: Song chắn rác, hệ thống khử trùng, hệ thống hút mùi, hệ thống tách nước.
- Lấy mẫu, phân tích chất lượng nước nước đầu vào, ra.
- Vận hành trạm xử lý nước thải.
- Bảo dưỡng hàng ngày các thiết bị máy móc, vớt rác + phế thải tại hố bơm truyền tải nước thải, cào rác tại các song chắn rác đến địa điểm qui định.
- Khắc phục sửa chữa khi gặp sự cố.

Đơn vị: ca

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN9.01.20	Quản lý, vận hành trạm XLNT Kim liên công suất thiết kế 3.700 m ³ /ngđ	Vật Liệu		
		- Dầu Shell Turbo T46	lít	0,1
		- Mỡ Alvania EP2	kg	0,05
		- Giấy ghi DO và lưu lượng	cuộn	0,022
		- NaClO (nồng độ 7%)	lít	192
		- PAC (chất keo tụ)	kg	67,83
		- Than hoạt tính (AG100S, AG100A, Ag100N)	kg	3,7
		- Polymer (CS303)	kg	3
		- Hoá chất phân tích mẫu (07 chỉ tiêu: SS, BOD5, COD, T-N, T-P, Clodur, Coliform)	mẫu	0,095
		Nhân công		
		- Công nhân kỹ thuật vận hành bậc 5/7	công	7,80
		- Công nhân vận hành bậc 4/7	công	4,68
		- Công nhân bảo vệ nhà máy bậc 3,5/7	công	1,95
		Máy thi công		
		- Xe tự đổ 4 tấn	ca	0,18

TN9.02.00 Công tác xử lý nước thải- tính m³ nước xử lý:**TN9.02.10- Công tác quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải trực bạch 2.300 m³/ngày đêm****+ Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị điều kiện làm việc
- Kiểm tra toàn bộ các máy móc thiết bị ngoài thực tế tại các khu vực xử lý của nhà máy: Hồ tiếp nhận nước đầu vào, bể lắng cát, bể lắng sơ cấp, bể phản ứng sinh học, bể lắng cuối, bể khử trùng, thiết bị xử lý bùn, xử lý mùi... theo dõi lưu lượng và các thông số thiết bị, lập biểu báo cáo, chỉnh biên tài liệu, điện báo số liệu.
- Kiểm tra các thiết bị phụ trợ: Song chắn rác, hệ thống khử trùng, hệ thống hút mùi, hệ thống tách nước.
- Lấy mẫu, phân tích chất lượng nước đầu vào, ra.
- Vận hành trạm xử lý nước thải.
- Bảo dưỡng hàng ngày các thiết bị máy móc, vớt rác + phế thải tại hố bơm truyền tải nước thải, cào rác tại các song chắn rác đến địa điểm qui định.
- Khắc phục sửa chữa khi gặp sự cố.

Đơn vị: 100 m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN9.02.10	Quản lý, vận hành trạm XLNT Trức Bạch công suất thiết kế 2.300m ³ /ngđ	Vật Liệu		
		- Dầu Shell Turbo T46	lít	0,013
		- Mỡ Alvania EP2	kg	0,0065
		- Giấy ghi DO và lưu lượng	cuộn	0,00286
		- NaClO (nồng độ 7%)	lít	15,6
		- PAC (chất keo tụ)	kg	5
		- Than hoạt tính (AG100S, AG100A, Ag100N)	kg	0,306
		- Polymer (CS303)	kg	0,261
		- Hoá chất phân tích mẫu (07 chỉ tiêu: SS, BOD5, COD, T-N, T-P, Clodur, Coliform)	mẫu	0,0124
		Nhân công		
		- Công nhân kỹ thuật vận hành bậc 5/7	công	1,02
		- Công nhân vận hành bậc 4/7	công	0,72
		- Công nhân bảo vệ nhà máy bậc 3,5/7	công	0,3
		Máy thi công		
		- Xe tự đổ 4 tấn	ca	0,0235

TN9.02.20- Công tác quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải Kim Liên 3.700 m³/ngày đêm

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị điều kiện làm việc,
- Kiểm tra toàn bộ các máy móc thiết bị ngoài thực tế tại các khu vực xử lý của nhà máy: Trạm bơm nước thải đầu vào, bể lắng cát, bể lắng sơ cấp, bể phản ứng sinh học, bể lắng cuối, bể khử trùng, thiết bị xử lý bùn, xử lý mùi... theo dõi lưu lượng và các thông số thiết bị, lập biểu báo cáo, chỉnh biên tài liệu, điện báo số liệu.
- Kiểm tra các thiết bị phụ trợ: Song chắn rác, hệ thống khử trùng, hệ thống hút mùi, hệ thống tách nước.
- Lấy mẫu, phân tích chất lượng nước đầu vào, ra.
- Vận hành trạm xử lý nước thải.
- Bảo dưỡng hàng ngày các thiết bị máy móc, vớt rác + phế thải tại hố bơm truyền tải nước thải, cào rác tại các song chắn rác đến địa điểm qui định.
- Khắc phục sửa chữa khi gặp sự cố.

+ Bảng mức:

Đơn vị: 100 m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN9.02.20	Quản lý, vận hành trạm XLNT Kim liên công suất thiết kế 3.700 m ³ /ngđ	Vật Liệu		
		- Dầu Shell Turbo T46	lít	0,0081
		- Mỡ Alvania EP2	kg	0,0041
		- Giấy ghi DO và lưu lượng	cuộn	0,00178
		- NaClO (nồng độ 7%)	lít	15,6
		- PAC (chất keo tụ)	kg	5,5
		- Than hoạt tính (AG100S, AG100A, Ag100N)	kg	0,3
		- Polymer (CS303)	kg	0,243
		- Hoá chất phân tích mẫu (07 chỉ tiêu: SS, BOD5, COD, T-N, T-P, Clodur, Coliform)	mẫu	0,0077
		Nhân công		
		- Công nhân kỹ thuật vận hành bậc 5/7	công	0,75
		- Công nhân vận hành bậc 4/7	công	0,45
		- Công nhân bảo vệ nhà máy bậc 3,5/7	công	0,18
		Máy thi công		
		- Xe tự đổ 4 tấn	ca	0,0124

TN9.02.30- Công tác quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải Kim Liên 3.700 m³/ngày đêm và trạm Trúc Bạch 2.300 m³/ngày đêm tổng công suất 6.000 m³/ngày đêm .

+Thành phần công việc:

- Chuẩn bị điều kiện làm việc
- Kiểm tra toàn bộ các máy móc thiết bị ngoài thực tế tại các khu vực xử lý của nhà máy: Khu vực tiếp nhận nước đầu vào, bể lắng cát, bể lắng sơ cấp, bể phản ứng sinh học, bể lắng cuối, bể khử trùng, thiết bị xử lý bùn, xử lý mùi... theo dõi lưu lượng và các thông số thiết bị, lập biểu báo cáo, chỉnh biên tài liệu, điện báo số liệu.
- Kiểm tra các thiết bị phụ trợ: Song chắn rác, hệ thống khử trùng, hệ thống hút mùi, hệ thống tách nước.
- Lấy mẫu, phân tích chất lượng nước nước đầu vào, ra.
- Vận hành trạm xử lý nước thải.
- Bảo dưỡng hàng ngày các thiết bị máy móc, vớt rác + phế thải tại hố bơm truyền tải nước thải, cào rác tại các song chắn rác đến địa điểm qui định.
- Khắc phục sửa chữa khi gặp sự cố.

+ Bảng mức:

Đơn vị: 100 m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TN9.02.30	Quản lý, vận hành trạm XLNT Kim liên công suất thiết kế 3.700 m ³ /ngđ và trạm XLNT Trúc Bạch công suất thiết kế 2.300 m ³ /ngđ	Vật Liệu		
		- Dầu Shell Turbo T46	lít	0,01
		- Mỡ Alvania EP2	kg	0,005
		- Giấy ghi DO và lưu lượng	cuộn	0,0022
		- NaClO (nồng độ 7%)	lít	15,6
		- PAC (chất keo tụ)	kg	5,31
		- Than hoạt tính (AG100S, AG100A, Ag100N)	kg	0,3
		- Polymer (CS303)	kg	0,25
		- Hoá chất phân tích mẫu (07 chỉ tiêu: SS, BOD5, COD, T-N, T-P, Clodur, Coliform)	mẫu	0,0095
		Nhân công		
		- Công nhân kỹ thuật vận hành bậc 5/7	công	0,854
		- Công nhân vận hành bậc 4/7	công	0,554
		- Công nhân bảo vệ nhà máy bậc 3,5/7	công	0,226
		Máy thi công		
		- Xe tự đổ 4 tấn	ca	0,0167

PHẦN III

BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

*Kèm theo quyết định số 27 /2008/QĐ-UB ngày 30 tháng 5 năm 2008
của UBND Thành phố Hà Nội*

THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

I. QUI ĐỊNH CHUNG:

1. Bảng giá ca máy và thiết bị thi công (các xe máy đặc chủng phục vụ duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước) bao gồm các xe: phun nước phản lực, xe hút chân không có độ chân không cao (4 tấn, 8 tấn), xe vận chuyển phế thải thoát nước tải trọng 4,5 tấn có thùng bùn kín kín khí và hệ thống nâng, hạ thùng bùn bằng thủy lực, hệ phao nổi + thuyền chở bùn là các loại xe máy, thiết bị không nằm trong danh mục các loại máy và thiết bị thi công xây dựng công trình Thành phố Hà Nội được ban hành công bố kèm theo quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2008 của UBND Thành phố Hà Nội. Bảng giá ca máy này qui định chi phí cho một ca làm việc của các loại máy; là giá dùng để xác định chi phí máy thi công trong đơn giá duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước, dùng làm cơ sở để xác định dự toán cho công tác duy trì hệ thống thoát nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2. Giá ca máy các xe đặc chủng xây dựng trong bảng giá này xác định cho các xe nêu trên theo thông số kỹ thuật như: công suất động cơ, tính năng... và căn cứ vào phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công qui định tại thông tư số 07/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ xây dựng để lập giá ca máy.

3. Giá ca máy trong bảng này bao gồm các thành phần chi phí như sau:

- Chi phí khấu hao là khoản chi phí về hao mòn của máy và thiết bị thi công trong thời gian sử dụng.

- Chi phí sửa chữa là khoản chi phí nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn của máy.

- Chi phí nhiên liệu, năng lượng tính trong giá ca máy là khoản chi phí về nhiên liệu, năng lượng tạo ra động lực cho máy hoạt động (dầu diesel) và các loại nhiên liệu phụ như dầu mỡ bôi trơn, nhiên liệu để điều chỉnh, nhiên liệu cho động cơ lai, dầu truyền động. Trong đó đơn giá nhiên liệu chưa bao gồm thuế VAT cụ thể là:

- + Dầu diesel : 7.209,09 đồng/lít

- Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy là khoản chi phí về tiền lương và các khoản phụ cấp tương ứng với cấp bậc của người điều khiển máy theo yêu cầu kỹ thuật, được xác định trên cơ sở thành phần cấp bậc thợ điều khiển máy được qui

định tại thông tư số 07/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ xây dựng và các qui định của nhà nước về chính sách tiền lương, các khoản phụ cấp được hưởng trong doanh nghiệp:

- + Mức lương tối thiểu tính trong chi phí thợ điều khiển được tính với mức 450.000 đồng/1tháng.

- + Hệ số cấp bậc thợ được áp dụng theo nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về qui định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước tại bảng lương A.1 thang lương 7 bậc, ngành 5 – công trình đô thị. Riêng đối với công nhân lái xe áp dụng theo bảng B12.

- + Các khoản phụ cấp được tính trong chi phí tiền lương thợ điều khiển máy như sau: Phụ cấp lưu động bằng 10% lương tối thiểu. Một số khoản lương phụ (lễ, tết, phép...) bằng 12% và một số chi phí khoán trực tiếp bằng 4% tiền lương cơ bản.

- Chi phí khác: Chi phí khác của máy tính trong giá ca máy là khoản chi phí đảm bảo cho máy hoạt động bình thường, có hiệu quả tại công trình.

- Chi phí nhiên liệu: Chi phí này được điều chỉnh theo mức giá do cấp có thẩm quyền qui định phù hợp tại từng thời điểm.

II. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG:

1. Bảng giá ca máy này dùng để tham khảo khi lập đơn giá duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước, quản lý chi phí máy của các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước do UBND Thành phố quản lý trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2. Giá ca máy qui định trong bảng giá ca máy này chưa tính thuế giá trị gia tăng của các loại vật tư, phụ tùng, nhiên liệu, năng lượng...

3. Khi xác định đơn giá duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước trên cơ sở định mức được Bộ xây dựng, UBND Thành phố Hà Nội công bố và bảng giá ca máy này thì tại thời điểm lập dự toán giá ca máy được bổ sung điều chỉnh hai khoản chi phí sau:

- Chi phí nhiên liệu được bổ sung phân chênh lệch giữa giá nhiên liệu tại thời điểm lập dự toán và giá nhiên liệu được chọn để tính trong bảng giá ca máy do UBND Thành phố Hà Nội công bố.

- Chi phí tiền lương thợ điều khiển được tính toán lại theo hướng dẫn tại thông tư số 07/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ xây dựng trên cơ sở lương tối thiểu vùng do nhà nước qui định.

4. Trong quá trình sử dụng bảng giá ca máy nếu gặp vướng mắc, đề nghị phản ánh về sở Xây dựng Hà Nội để nghiên cứu, tổng hợp trình UBND Thành phố xem xét giải quyết.

BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG
*Kèm theo quyết định số 27 /2008/QĐ-UB ngày 30 tháng 5 năm 2008
của UBND Thành phố Hà Nội*

STT	Loại máy và thiết bị	Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng		Thành phần - cấp bậc thợ điều khiển máy	Giá ca máy (đồng)	
		Định mức	Nhiên Liệu		Trong đó tiền lương thợ điều khiển máy	Tổng số
1	Xe phun nước phản lực, áp lực phun 200kg/cm ²	40,8	lít diesel	1*3/4 +1*4,5/7	136.118	1.323.608
2	Xe hút chân không 4Tấn	40,8	lít diesel	1*3/4 +2*4,5/7	203.525	1.658.972
3	Xe hút chân không 8Tấn	50,4	lít diesel	1*3/4 +2*4,5/7	203.525	1.610.400
4	Xe ôtô tự đổ 4,5 Tấn có thùng bùn kín kín khí nâng hạ bằng hệ thống thủy lực	41,65	lít diesel	1*3/4 +1*4,5/7	136.118	844.414
5	Hệ phao nổi + thuyền					276.409

MỤC LỤC

MÃ HIỆU	NỘI DUNG ĐỊNH MỨC	TRANG
	Phần I: Thuyết minh và các quy định áp dụng	2
	Phần II: Định mức dự toán	4
	CHƯƠNG VI: NẠO VẾT DÂY CHUYỀN CƠ GIỚI	4
TN6.01.00	<i>Nạo vét bùn cống bằng dây chuyền cơ giới</i>	4
TN6.01.10	Nạo vét bùn cống ngầm bằng dây chuyền S1	4
TN6.01.20	Nạo vét bùn cống ngầm bằng dây chuyền S2	6
TN6.01.30	Nạo vét bùn cống ngầm bằng dây chuyền S3	8
TN6.02.00	<i>Nạo vét bùn mương, sông bằng dây chuyền cơ giới</i>	10
TN6.02.10	Nạo vét bùn mương bằng dây chuyền C2	10
TN6.02.10	Nạo vét bùn mương bằng dây chuyền C3	12
	CHƯƠNG VII: VẬN CHUYỂN PHẾ THẢI THOÁT NƯỚC BẰNG CƠ GIỚI	13
TN7.01.10	Vận chuyển phế thải thoát nước bằng xe ô tô chuyên dụng 4,5T tự đổ có thiết bị nâng hạ thùng bùn bằng thủy lực	14
	CHƯƠNG VIII: CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH CỤM CÔNG TRÌNH TRẠM BƠM ĐẦU MỐI YÊN SỞ	14
TN8.01.10	Công tác quản lý vận hành cụm công trình trạm bơm đầu mối Yên sở bao gồm trạm bơm Yên sở 45m ³ /s, bảy cửa điều tiết, 3 đập cao su	14
	CHƯƠNG IX: CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH 2 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÍ ĐIỂM KIM LIÊN, TRÚC BẠCH	16
TN9.01.00	<i>Công tác quản lý vận hành 2 trạm xử lý nước thải thí điểm Trúc bạch, Kim liên - đơn vị tính ca vận hành</i>	16
TN9.01.10	Công tác quản lý vận hành trạm xử lý nước thải thí điểm Trúc bạch	16
TN9.01.20	Công tác quản lý vận hành trạm xử lý nước thải thí điểm Kim liên	17
TN9.02.00	<i>Công tác quản lý vận hành 2 trạm xử lý nước thải thí điểm Trúc bạch, Kim liên - đơn vị tính m³ nước xử lý</i>	18
TN9.02.10	Công tác quản lý vận hành trạm xử lý nước thải thí điểm Trúc bạch	18
TN9.02.20	Công tác quản lý vận hành trạm xử lý nước thải thí điểm Kim liên	19
TN9.02.30	Công tác quản lý vận hành trạm xử lý nước thải thí điểm KL, TB	20
	Phần III: BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG	21
	Bảng giá ca máy các xe đặc chủng phục vụ duy trì thoát nước	23